

Số: **11** /2021/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **19** tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành một số chính sách về công tác Dân số - Kế hoạch hoá gia đình
tại các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Yên Bái
giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ 21 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số ngày 27 tháng 12 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của công tác viên dân số;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số;

Thực hiện Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp với các vùng, đối tượng đến năm 2030”;

Xét Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành nghị quyết về chính sách Dân số - Kế hoạch hoá gia đình tại các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số chính sách về công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2021 - 2025 tại các xã khu vực III và các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II, khu vực I trên địa bàn tỉnh Yên Bái theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chính sách tại Nghị quyết này không áp dụng đối với các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người dân trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II, khu vực I thực hiện và người vận động thực hiện đặt dụng cụ tử cung, triệt sản, tiêm thuốc tránh thai;

b) Nhân viên y tế thôn, bản kiêm cộng tác viên dân số làm nhiệm vụ dân số tại các xã khu vực III và các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II, khu vực I;

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình tại các xã khu vực III;

d) Các xã, thôn, bản đáp ứng tiêu chí thường quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Nội dung chính sách

1. Chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; bồi dưỡng người thực hiện, người vận động triệt sản và đặt dụng cụ tử cung.

a) Hỗ trợ chi phí dịch vụ kế hoạch hoá gia đình cho người dân đặt dụng cụ tử cung; triệt sản; tiêm thuốc tránh thai theo mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái do Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định có hiệu lực tại thời điểm thực hiện;

b) Bồi dưỡng người đặt dụng cụ tử cung: 200.000 đồng/người;

c) Bồi dưỡng người triệt sản: 1.000.000 đồng/người;

d) Hỗ trợ người vận động đặt dụng cụ tử cung: 50.000 đồng/người thực hiện;

đ) Hỗ trợ người vận động triệt sản: 100.000 đồng/người thực hiện.

2. Bồi dưỡng cho nhân viên y tế thôn, bản kiêm cộng tác viên dân số làm nhiệm vụ dân số: 200.000 đồng/người/tháng (ngoài mức đang được hưởng tại Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; quy định số lượng chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh và khoản Quỹ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái).

3. Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình: 4.000.000 đồng/xã/02 lần/năm.

4. Thưởng đối với các xã, thôn, bản thực hiện tốt chính sách dân số:

a) Đối với xã không có người sinh con thứ 3 trở lên, mức thưởng như sau:

01 năm: 2.500.000 đồng.

02 năm liên tục: 4.000.000 đồng.

03 năm liên tục: 6.000.000 đồng.

04 năm liên tục: 8.000.000 đồng.

05 năm liên tục: 10.000.000 đồng.

b) Đối với xã giảm trên 50% số người sinh con thứ 3 trở lên so với năm trước, mức thưởng như sau:

01 năm: 1.500.000 đồng.

02 năm liên tục: 2.500.000 đồng.

03 năm liên tục: 4.000.000 đồng.

04 năm liên tục: 6.000.000 đồng.

05 năm liên tục: 8.000.000 đồng.

c) Đối với thôn, bản không có người sinh con thứ 3 trở lên, mức thưởng như sau:

01 năm: 750.000 đồng.

02 năm liên tục: 1.200.000 đồng.

03 năm liên tục: 1.800.000 đồng.

04 năm liên tục: 2.400.000 đồng.

05 năm liên tục: 3.000.000 đồng.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí được bảo đảm từ nguồn ngân sách tỉnh được giao trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị liên quan để sử dụng và chi trả theo quy định.

Riêng kinh phí thưởng đối tượng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 2 do Ủy ban nhân dân cấp huyện bảo đảm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XVIII - Kỳ họp thứ 21 (Chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 4 năm 2021./.

Nơi nhận: H₂

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh (tự kiểm tra văn bản);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (cập nhật văn bản trên CSDLQGPL);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- TT. HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; BPC; BDT.

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Quỳnh Khánh